SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Q.TRỊ
CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 112 /HD- PTNT

Quảng Trị, ngày 30 tháng 5 năm 2016

HƯỚNG DẪN
Về việc thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2016

Kính gửi:
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố, thị xã;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- Trường Trung cấp Nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm dạy nghề Hội Nông dân tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg (Quyết định 971) và Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐLBXH- BNV-BNNPTNT-BTC-BTTTT ngày 12/12/2012 của liên Bộ: Lao động-Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 14/2016/QĐ- UBND ngày 16/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành danh mục, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Ngày 12/5/2016, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định 994/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn năm 2016, để triển khai Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2016 đạt hiệu quả cao, Chi cục Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung sau:

1. Kế hoạch đào tạo nghề năm 2016

1.1. Đối tượng:

i) Lao động nông thôn từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khoẻ phù hợp với nghề cần học, bao gồm;

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã;

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Trong các đối tượng nêu trên, ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân và các hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa có nhu cầu chuyển đổi nghề sản xuất.

ii) Đối với đào tạo nghề nông nghiệp, tập trung tổ chức đào tạo cho các đối tượng là nông dân nồng cốt tại địa phương, đủ điều kiện áp dụng kiến thức nghề sau khi học, trong đó, tập trung ưu tiên đào tạo cho các đối tượng:

+ Nông dân tham gia các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, làng nghề, làng nghề truyền thống, vùng chuyên canh (lúa, cà phê, hồ tiêu, cao su, nuôi trồng thuỷ sản, rau màu thực phẩm, vùng chăn nuôi gia trại, trang trại...) gắn đào tạo với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp phù hợp với các nội dung tại Nghị quyết 01/2014/NQ- HĐND ngày 25/4/2014 của HĐND tỉnh;

+ Nông dân tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình giảm nghèo (Chương trình 135, 30a) và các mô hình đã thí điểm có hiệu quả ở nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới;

+ Lao động nông thôn làm kỹ thuật nông nghiệp, làm nghề nông nghiệp có yêu cầu trình độ kỹ thuật.

iii) Không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học.

1.2. Ngành nghề, thời gian đào tạo

Năm 2016, ưu tiên lựa chọn các nghề cần tập trung đào tạo nhằm từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hoá, vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến đáp ứng cho nhu cầu thị trường và tái cơ cấu ngành nông nghiệp thì nên ưu tiên cho các đơn vị dạy nghề cấp tỉnh chủ trì triển khai thực hiện. Trong đó, lưu ý việc lựa chọn ngành nghề đào tạo, đối tượng học viên và địa điểm mở lớp giữa các cơ quan đơn vị thực hiện công tác dạy nghề (tỉnh, huyện) tránh bị chồng chéo trong việc tuyển sinh và tạo điều kiện cho các hộ dân hiện đang gặp khó khăn trong quá trình sản xuất và mong muốn chuyển đổi nghề mới.

Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần. Những người đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách này.

Thời gian đào tạo phải phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, từng địa phương và phù hợp với nhu cầu của người học. Tuy nhiên, trong quá trình tuyển sinh đào tạo đối với một số nghề cần phải đào tạo sớm cho phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi (nhưng chưa được ký kết hợp đồng với đơn vị chủ trì triển khai thực hiện) hoặc trong quá trình mở lớp rơi vào mùa vụ thu hoạch hoặc sản xuất gieo trồng thì các đơn vị được giao nhiệm vụ dạy nghề có văn bản báo cáo Chi cục Phát triển nông thôn (đơn vị dạy nghề cấp tỉnh), Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (đơn vị dạy nghề cấp huyện) xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian đào tạo cho phù hợp.

1.3. Lồng ghép nguồn vốn

Song song với công tác triển khai nguồn vốn tại Quyết định 994/QĐ- UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo UBND

các xã triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp phải lồng ghép với nguồn vốn các Chương trình MTQG như: Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững (135, 30a) vàcác nguồn vốn hỗ trợ của địa phương nhằm đảm bảo công tác đào tạo lý thuyết gắn với thực tiễn và xây dựng các mô hình để tăng hiệu quả của công tác dạy nghề, hạn chế việc triển khai độc lập từ nguồn vốn dạy nghề.

2. Về hồ sơ, thủ tục ký kết hợp đồng dạy nghề. Thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số 646/CVDN-LN ngày 04/5/2013 của liên Sở: Lao động- Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT,Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh về việc hướng dẫn triển khai dạy nghề cho lao động nông thôn, gửi về Chi cục Phát triển nông thôn (các đơn vị dạy nghề cấp tỉnh); Phòng Nông nghiệp và PTNT cấp huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (các đơn vị dạy nghề cấp huyện) kiểm tra hồ sơ, triển khai thực hiện theo quy định.

Hồ sơ để ký hợp đồng bao gồm:

- Kế hoạch dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo mẫu số 1;

- Đơn xin học nghề của người học có xác nhận của UBND xã theo mẫu số 2;

- Danh sách học viên học nghề, lưu ý phân loại đối tượng theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg và Quyết định 971/QĐ- TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ có xác nhận của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã theo mẫu số 3;

- Dự toán chi tiết kèm thuyết minh kinh phí cho các lớp nghề đào tạo theo mẫu số 4;

- Chương trình đào tạo mỗi nghề theo kế hoạch (mẫu số 5);

- Lịch học cụ thể của từng lớp học (theo mẫu đính kèm);

Hồ sơ lập thành 02 bản và sắp xếp thứ tự theo từng lớp.

(Riêng các mẫu 3, 4, 5 chi tiết truy cập Website: chicucptnt.quangtri.gov.vn)

3. Về điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn. Các cơ sở dạy nghề được giao thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn chuẩn bị đủ các điều kiện dạy nghề, trình Sở Lao động- TB và XH tỉnh kiểm tra và thông báo bằng văn bản về nghề đào tạo, thời gian đào tạo, quy mô đào tạo đối với từng nghề.

4. Về giáo trình, thẩm định giáo trình dạy nghề nông nghiệp

Tuân thủ, sử dụng đầy đủ và đúng 23 bộ giáo trình (gồm 16 bộ giáo trình năm 2012 và 07 bộ giáo trình năm 2013) đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và ban hành làm cơ sở để giảng dạy và biên soạn bài giảng theo mô hình lớp học nông dân tại hiện trường (FFs – Farmer Field school). Riêng bài giảng theo mô hình lớp học nông dân tại hiện trường, đề nghị các đơn vị dạy nghề (tỉnh, huyện) biên soạn theo hướng dễ hiểu, dễ nhớ phù hợp với trình độ của người học.

Đối với các nghề mới phát sinh, các cơ sở dạy nghề tham khảo mục Chương trình, giáo trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại địa chỉ: httt://www.omard.gov.vn và các tài liệu hiện có để biên soạn

phục vụ giảng dạy và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục PTNT) để tổ chức biên tập, thẩm định.

5. Về sổ sách quản lý dạy nghề. Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/11/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo nghề.

6. Về chế độ kiểm tra, giám sát. Chi cục Phát triển nông thôn sẽ kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với các lớp nghề đang triển khai thực hiện.

7. Về chế độ báo cáo. Định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm, đề nghị các đơn vị dạy nghề cấp tỉnh, Phòng Nông nghiệp và PTNTcác huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện, khó khăn vướng mắc... về Chi cục Phát triển nông thôn theo quy định.

8. Tổ chức triển khai thực hiện:

- Bổ sung đảm bảo điều kiện đào tạo nghề: Hoàn thành trước 20 tháng 6/2016.

- Nộp hồ sơ dạy nghề (theo biểu mẫu số 05) và làm thủ tục ký hợp đồng dạy nghề: Hoàn thành trước 20 tháng /2016.

- Ký kết hợp đồng dạy nghề trước ngày 20/6/2016.

- Tạm ứng kinh phí: Sau khi hoàn thành thẩm định dự toán với Sở Tài chính và được nhập TABMIS, các cơ sở dạy nghề tạm ứng kinh phí theo quy định.

- Thanh quyết toán: Hoàn thành lớp nào thì thanh quyết toán lớp đó và hoàn thành thanh quyết toán toàn bộ chương trình trong tháng 11/2016.

- Đối với các lớp đào tạo nghề nông nghiệp do UBND huyện làm chủ đầu tư đề nghị Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã báo cáo bằng văn bản (đối tượng học viên, danh mục nghề đào tạo, địa điểm đào tạo, số lớp, kinh phí thực hiện và thời gian tổ chức đào tạo từng lớp học) về Chi cục Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định trước khi tổ chức thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị dạy nghề cấp tỉnh phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Chi cục Phát triển nông thôn để cùng tháo gỡ, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở NN và PTNT (b/c);
- GĐ, PGĐ Sở: Trần Thanh Hiền;
- Sở LĐ- TB và XH (TT BCĐ 1956) b/c;
- UBND các huyện, TP, T X;
- CCT, PCCT: Hoàng Minh Trí;
- Lưu: VT, KTHT.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG TRỊ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT T. QUẢNG TRỊ

Trần Văn Thu

Đơn vị:.....

Kế hoạch triển khai các lớp dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2016

(Kèm theo Công văn số 1112 /SNN-DN ngày 30 tháng 5 năm 2016)

TT	Tên nghề	Địa điểm (thôn, xã)	Số lớp (lớp)	Số người (người)		Kinh phí (tr.đ)	Lịch học	Thời gian thực hiện		Lồng ghép nguồn vốn (ghi cụ thể nguồn vốn được lồng ghép)	Ghi chú
				Tổng	Trong đó, lao động thuộc hộ nghèo, chính sách...			Bắt đầu	Kết thúc		
1								Ghi ngày tháng cụ thể	Ghi ngày tháng cụ thể	Vd: vốn hỗ trợ PTSX- Nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương	
2											
3											

Mẫu số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC NGHỀ

(dành cho đối tượng chưa được tham gia đào tạo nghề theo Quyết định 1956)

1.Thông tin chung

Họ và tên:..... □ Nam, □ :Nữ

Sinh ngày..... tháng.....năm .....Dân tộc: .....Tôn giáo:.....

Số CMTND:..... Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Trình độ học vấn:..... Điện thoại liên hệ:.....

Tình trạng lao động: số nhân khẩu của hộ.....số lao động trong độ tuổi.....

2. Đối tượng học nghề *(Đánh dấu X vào ô trống)*:

Người có công với cách mạng: ☐ *Hộ nghèo:* ☐

Người dân tộc thiểu số: ☐ *Người tàn tật:* ☐

Người bị thu hồi đất canh tác: ☐ *Đối tượng lao động nông thôn khác:* ☐

Người thuộc hộ cận nghèo: ☐ *Người muốn mở rộng sản xuất:* ☐

Người có hợp đồng làm việc với nhà máy, Doanh nghiệp: ☐

3. Khảo sát hiện trạng hộ gia đình:

3.1. Tổng diện tích đất nông nghiệp:.....m^2. Trong đó:

* Đất đã sử dụng:

Đất trồng lúa:.....m^2 ; Đất trồng hoa màu (ngô, khoa, sắn...)..... m^2

Đất lâm nghiệp:.....(m^2 / ha). Đất trồng cây rau màu..... m^2

Đất trồng cây công nghiệp (hồ tiêu.....m^2; Cao su:.....m^2; Cà Phê..... m^2)

Cây trồng khác (ghi cụ thể)..... m^2

* Đất chưa sử dụng:.....m^2

3.2. Chăn nuôi: Bò.....con; lợn.....con; trâu.....con; Gà.....con; Dê.....con; Vịt.....con; .....khác.

3.3. Thủy sản: Diện tích ao nuôi cá (đủ điều kiện):.....m^2

3.4. Ngành nghề khác (ghi cụ thể ngành nghề gì).....

4. Loại nghề Anh/Chị muốn đào tạo *(đánh dấu X vào ô anh, chị cần đào tạo và ghi cụ thể)*:

Lĩnh vực trồng trọt: ☐ Tên nghề cụ thể:.....

Lĩnh vực chăn nuôi: ☐ Tên nghề cụ thể:.....

Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: ☐ Tên nghề cụ thể:.....

Lĩnh vực khác: ☐ Tên nghề cụ thể:.....

5. Kế hoạch phát triển kinh tế hộ sau khi đào tạo *(đánh dấu X vào 1 trong 4 ô trống và ghi cụ thể các thông tin)*:

5.1.Tự tạo việc làm: ☐

Mở rộng chăn nuôi: ☐

Tên vật nuôi:..... Số lượng dự kiến nuôi thêm.....con

Địa điểm nuôi:.....

Mở rộng trồng trọt: ☐
Tên cây trồng:..... diện tích dự kiến canh tác..... m^2
Địa điểm:.....
Mở rộng nuôi trồng thủy sản: ☐
Tên:..... diện tích ao nuôi..... m^2
Địa điểm:.....
Mở rộng loại hình khác: ☐
Tên:..... diện tích/số lượng.... .....
Địa điểm:.....

5.2. Có hợp đồng liên kết sản xuất găn với tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp: ☐

Tên sản phẩm.....Sản lượng.....
Diện tích thực hiện:.....
5.3. Được doanh nghiệp, người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động: ☐
Tên Doanh nghiệp:.....
Loại nghề ký hợp đồng.....địa điểm làm việc.....

Tôi chưa được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Quyết định 1956; chưa được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước. Nay tôi làm đơn đăng ký học nghề:.....do (CSDN): Tổ chức đào tạo tại:.....

Nếu được tham gia lớp học, tôi xin chấp hành nội quy lớp học, quy định của cơ sở dạy nghề.

Tôi xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai không đúng sự thật, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi hoàn 100% kinh phí do nhà nước hỗ trợ./.

Xác nhận của UBND cấp xã:
..... Xác nhận Ông (bà)
..... có hộ khẩu thường trú/tạm trú tại xã:..... và thuộc diện (1): .....

TM. UBND xã.....
(Ký tên và đóng dấu)

……, ngày .... tháng ... năm 20....
Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

---

(1) Ghi cụ thể đối tượng của người có đơn đăng ký học nghề tại (mục 2) và hộ thuộc các đối tượng tại (mục 3,4,5)